

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN HÒA
TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN ĐANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2025

(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 02/06/2024 của Bộ GD&ĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Trần Văn Đang

2. Địa chỉ: 27 Nghĩa Hòa, phường Tân Hòa, Tp.HCM

- Điện thoại: 028.39705212

- Email: thestvdang.tanbinh@tphcm.gov.vn

- Website: <https://thcstranvandang.hcm.edu.vn>

3. Loại hình: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

- Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, lành mạnh và thân thiện, có chất lượng giáo dục toàn diện để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất và tư duy sáng tạo góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thành phố Hồ Chí Minh. Giáo dục học sinh “Học để biết, học để làm, học để hội nhập, học để phục vụ cộng đồng và vươn đến sự phát triển toàn diện”.

- Hình thành và phát triển cho học sinh 5 phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm và 10 năng lực cốt lõi bao gồm cả 3 năng lực chung là: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo và 7 năng lực đặc thù là: Ngôn ngữ, Tính toán, Tin học, Thể chất, Thẩm mỹ, Công nghệ, Tìm hiểu tự nhiên và xã hội. Những tiêu chí này hướng đến việc phát triển toàn diện học sinh cả về thể chất, tinh thần, kiến thức và cả kỹ năng thực hành cần có.

- Xây dựng nhà trường: “An toàn - Thân thiện - Chất lượng - Hiệu quả. Đoàn kết hợp tác - Kỷ cương trách nhiệm - Đổi mới sáng tạo - Hội nhập phát triển”

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Trung học cơ sở Trần Văn Đang hiện nay, tiền thân vốn là Trung tâm giáo dục Thánh Giuse, trực thuộc giáo xứ Nghĩa Hòa, là điểm sinh hoạt – giảng dạy văn hóa của cộng đồng dân cư Công giáo trong khu vực.

Ngày 24/06/1978 UBND Tp. HCM ban hành Quyết định số 1275/QĐ-UB về việc Quốc lập hóa Trường tư thục “Trung tâm Giáo dục Thánh Giu-se” ở đường Nghĩa Hòa quận Tân Bình

Ngày 31 tháng 3 năm 1986, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 93/QĐ-UB về việc đổi tên trường PTCS cấp 1, 2 Nghĩa Hưng thành trường PTCS Trần Văn Đương.

Đến năm 1996, theo Quyết định số 13/QĐ-UB ngày 14 tháng 2 năm 1996 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về đổi tên cơ cấu khung của các trường thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình, trường Phổ thông cơ sở cấp 2 Trần Văn Đương chính thức đổi tên thành Trường THCS Trần Văn Đương.

Ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND-TL về thành lập trường Trung học cơ sở Trần Văn Đương trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa;

Địa điểm trụ sở: Số 27 (số cũ 32/19) Nghĩa Hòa, phường Tân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Dương Tấn Phước
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Tại địa điểm trụ sở
- Số điện thoại: 028.39705212 - Email: dtp6700@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định số 1275/QĐ-UB ngày 24/06/1978 của UBND Tp.HCM về việc Quốc lập hóa Trường tư thục “Trung tâm Giáo dục Thánh Giu-se” ở đường Nghĩa Hòa quận Tân Bình; Quyết định số 93/QĐ-UB về việc đổi tên trường PTCS cấp 1, 2 Nghĩa Hưng thành trường PTCS cấp 2 Trần Văn Đương; Quyết định số 13/QĐ-UB ngày 14 tháng 2 năm 1996 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về đổi tên cơ cấu khung của các trường thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình. Quyết định số 17/QĐ-UBND-TL ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa về thành lập trường Trung học cơ sở Trần Văn Đương trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa;

b) Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND phường Tân Hòa V/v thành lập Hội đồng trường Trường THCS Trần Văn Đương nhiệm kỳ 2025-2030;

c) Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của CT UBND phường Tân Hòa về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Trần Văn Đương, phường Tân Hòa;

8. Các văn bản khác

- Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc giao quyền tự chủ tài chính cho trường THCS Trần Văn Đương giai đoạn 2023-2025;

- Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 năm 2025 CT UBND phường Tân Hòa về việc cho phép các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện tự chủ tài chính theo phương án đã được UBND quận Tân Bình trước đây phê duyệt đến hết năm 2025;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Giáo viên

TT	Bộ môn	Giáo viên		Đảng viên	Biên chế	Thừa/Thiếu	Trình độ chuyên môn			
		T.số	Nữ				Th.S	ĐH	CĐ	Khác
1	Văn	4	4	0	4	0/1	1	3		
2	Ngoại ngữ	3	3	1	3		1	2		
3	Toán	5	1	4	5			5		
4	Lý	2	2	0	2			2		
5	Hóa	2	1	0	2			2		
6	Sinh	2	2	1	2			2		
7	Sử	1	1	1	1		0/1		1	
8	Địa	2	2	2	2			2		
9	GDCD	1	1		1			1		
10	Thể dục	2			2			2		
11	Âm nhạc	1	1		1			1		
12	Mỹ thuật	1	1		1			1		
13	Công nghệ	3	3		3			3		
14	Tin học	1	1		1			1		
15	GV- TPT	1	0		1			1		
	Tổng cộng	31	23	9	31	0/2	2	29		

2. Cán bộ quản lý – Nhân viên

TT	Bộ phận	CBQL- NV		Đảng viên	Diện			Trình độ chuyên môn			
		T.số	Nữ		Biên chế	Hợp đồng trường	Hợp đồng 111	ĐH	CĐ	TC	Khác
1	CBQL	2	1	2	2			1			
2	Kế toán	1	1	1	1			1			

4	Văn thư	1	1		1					1	
5	Thư viện	1	1		1			1			
6	TB-THTN	1	1		1				1		
7	Y tế	1	1	1	1					1	
8	Bảo vệ	2				2					2
9	Phục vụ	2	2			2					2
	Tổng cộng	11	8	4	7	4		3	1	2	4

3. Về cơ cấu chức danh nghề nghiệp CBQL-GV

- Giáo viên THCS hạng II : 22/34 - Tỷ lệ: 64,7%
- Giáo viên THCS hạng III : 12/34 - Tỷ lệ: 35,3%

4. Về đánh giá xếp loại chất lượng viên chức, thi đua khen thưởng năm học 2024-2025

4.1. Về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức 2024-2025

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ : 06/39 - Tỷ lệ: 15,4%
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: : 33/39 - Tỷ lệ: 84,6%

4.2. Về về công tác thi đua, khen thưởng 2023-2024

- Lao động tiên tiến : 39/39 - Tỷ lệ: 100%
- Chiến sĩ thi đua cơ sở : 07/39 - Tỷ lệ: 17,9%
- Bằng khen của Chủ tịch UBNDTP : 03/39 - Tỷ lệ: 7,7%

4.3. Về tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp cán bộ quản lý, giáo viên 2024-2025

- Tốt : 32/34 - Tỷ lệ: 94,1%
- Khá : 02/34 - Tỷ lệ: 05,9%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	11	Số m ² /hs
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	11	-
2	Số phòng học bộ môn (Tin học, THTN)	03	-
3	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	07	-
4	Bình quân lớp/phòng học	2 lớp/phòng	-
5	Bình quân học sinh/lớp	28HS/lớp	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	882.1 m²	-
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	290.6 m²	-

VI	Tổng diện tích các phòng	838.88 m²	-
1	Diện tích phòng học (m ²)	523.38 m ²	1.03 m ² /hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	142.74 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	31.5 m ²	-
4	Diện tích phòng khác (phòng làm việc, y tế, đoàn thể, phòng giáo viên,..) (m ²)	141.26 m ²	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu	94	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6 (các môn)	25	6
2	Khối lớp 7 (các môn)	26	5
3	Khối lớp 8 (các môn)	26	4
4	Khối lớp 9 (các môn)	17	4
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	40	01HS/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số thiết bị	Số thiết bị/lớp
1	Tivi	10	
2	Cassette	05	
3	Đầu Video/đầu đĩa	00	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
	- Overhead	00	
	- Projector	04	
	- Bảng tương tác	02	
5	Thiết bị khác		
	- Máy photo	01	
	- Máy in	06	
	Nội dung	Số lượng (m²)	
X	Nhà bếp	9.5 m ²	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XI	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	không	Không	Không
XII	Khu nội trú	không	Không	Không

XIII	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	Đạt		Đạt		Đạt
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	không		Không		Không

	Nội dung	Có	Không
XIV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	

XV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVI	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIII	Tường rào xây	X	

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Số liệu thống kê

ST T	Nội dung	Tổng số	KHỐI LỚP			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo Rèn luyện	499	111	164	142	82
1	Tốt (%)		90,09	81,10	80,03	92,68
2	Khá (%)		09,91	16,68	11,27	06,10
3	Đạt (%)			02,22	08,70	01,22
II	Số học sinh chia theo Học tập	499	111	164	142	82
1	Tốt (%)		32,43	25,61	39,44	15,85
2	Khá (%)		44,14	43,90	31,69	57,32
3	Đạt (%)		22,52	29,27	25,35	26,83
4	Chưa đạt (%)		00,91	01,22	03,52	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	499	111	164	142	82
1	Lên lớp (%)		99,10	98,78	96,48	100
1.1.	HSXS (%)		03,60	5,49	12,68	03,66
1.2.	HSG (%)		28,83	20,12	26,76	12,20
2	Kiểm tra lại (%)		02,70	05,49	04,93	0,00
3	Lưu ban (%)		1,11	3,36	2,30	0
4	Bị kỷ luật		0	0	0	0
5	Bỏ học		0	1	1	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện				1	
2	Cấp Thành phố			1		
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi TN	82				82
VI	Số học sinh được công nhận TN	82				82
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	268/231	68/43	83/81	69/76	69/13
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	11	2	5	1	3
IX	Số học sinh khuyết tật	16	5	5	5	1

- Tỷ lệ học sinh lên lớp sau kiểm tra lại: 98,40%

- Tỷ lệ HS lớp 9 thi đỗ vào lớp 10 công lập đạt: 85,53 %

2. Về các thành tích khác đạt được quan các Hội thi

a) Về học sinh

+ 01 HS đạt giải Ba cấp Thành phố Cuộc thi "Khéo tay kỹ thuật"

+ 01 HS được công nhận "HS giỏi" qua cuộc thi "Lớn lên cùng sách" cấp

quận

+ Đạt 04 huy chương (2V, 2Đ) môn Karate giải Vô địch thể thao HS cấp Thành phố và 61 huy chương cấp quận (23V, 22B, 16Đ).

+ 02 HS đạt danh hiệu “Cháu ngoan Bác Hồ” cấp quận

+ 01 HS được công nhận “Chi huy Đội giỏi” cấp quận”

+ 01 HS đạt giải C Cuộc thi vẽ tranh với chủ đề "Về nước - Về tương lai" Năm 2025 do Thành đoàn tổ chức

b) Về CBQL-GV-NV

- Đạt Giải KK Hội thi "Duyên dáng áo dài", giải KK Hội thi “Đồng diễn thể dục giữa giờ” và giải KK Hội thi “Thiết kế khung tranh chào mừng 20/11” do LĐLĐ quận tổ chức

- Đạt Giải Nhì cuộc thi "Tìm hiểu 50 Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước"; Giải Nhì Cuộc thi thiết kế "Trang trí Hoa mai ngày Tết"; Giải Ba Cuộc thi “Thiết kế tiểu cảnh mừng Xuân”; Giải Ba Hội thi “Gian hàng ẩm thực mừng Xuân”; Giải Nhất và Nhì Cuộc thi Bida Carom Libre; Giải Ba Hội thi “Chạy việt dã”; Giải KK Cuộc thi "Tìm hiểu Luật bảo vệ môi trường và phân loại chất thải rắn sinh hoạt"; do UBND phường 6 tổ chức;

- Giải KK Cuộc thi “Tân Bình trong trái tim tôi” do Đảng ủy Phường 6 tổ chức

V. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường được Giám đốc Sở GD&ĐT ra quyết định công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 vào 6/2022 (quyết định số 1494-86/QĐ-SGDĐT ngày 13/6/2022). Hàng năm trường tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục sau khi triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo quy định.

1. Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1

a) Điểm mạnh cơ bản của trường

- Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình phê duyệt. Nhà trường thực hiện việc rà soát, đối chiếu kết quả đạt được với các chỉ tiêu trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường qua từng năm học.

- Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, chú trọng chất lượng dạy và học, thực hiện đầy đủ các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất, thẩm mỹ cho học sinh.

- Công tác kiểm tra của cán bộ quản lý và các tổ trưởng chuyên môn được tiến hành thường xuyên, có nhận xét, rút kinh nghiệm kịp thời.

- Tập thể nhà trường luôn chấp hành đúng, đầy đủ và đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường nhiều năm qua.

- Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Điểm yếu cơ bản cần cải tiến

- Định kỳ, nhà trường cần rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

- Tổ chuyên môn tuy có thực hiện các chuyên đề chuyên môn để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhưng nội dung còn chưa phong phú và chưa có chiều sâu. Kế hoạch giáo dục của giáo viên cần thể hiện rõ nội dung điều chỉnh đổi mới

2. Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2

a) Điểm mạnh cơ bản của trường

- Nhà trường có số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tính đến thời điểm đánh giá và 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

- Nhà trường có đầy đủ số lượng nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ, 100% nhân viên của trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và có trình độ đào tạo đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm.

- Nhà trường thực hiện đúng quy định về độ tuổi của học sinh, đảm bảo các quyền cho học sinh theo Điều lệ nhà trường. Đa số học sinh có ý thức tự giác thực hiện tốt nội quy nhà trường. Nhà trường tuyên dương khen thưởng kịp thời các em có thành tích cao trong học tập.

b) Điểm yếu cơ bản cần cải tiến

- Môi trường làm việc ít có điều kiện giao tiếp với người nước ngoài nên kỹ năng sử dụng tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế

- Cần tăng cường thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng giáo dục. Tăng cường bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

3. Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3

a) Điểm mạnh cơ bản của trường

Trường có khuôn viên riêng biệt, có hệ thống tường bao quanh, khuôn viên luôn được giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, có hệ thống cấp thoát nước đầy đủ. Cơ sở vật chất của nhà trường, các thiết bị dạy học, việc quản lý, sử dụng, bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

b) Điểm yếu cơ bản cần cải tiến

Tổ chức các hội thi khuyến khích giáo viên làm đồ dùng dạy học sung cho thiết bị giáo dục nhà trường được phong phú và sử dụng một cách hiệu quả.

4. Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4

a) Điểm mạnh cơ bản của trường:

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, trường được kiện toàn tổ chức ngay từ đầu năm học, thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp phần nâng cao duy trì các hoạt động giáo dục học sinh.

b) Điểm yếu cơ bản cần cải tiến

Tăng cường tổ chức hoạt động câu lạc bộ; hoàn thiện quy chế hoạt động cho các câu lạc bộ; phối hợp với các đoàn thể địa phương đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn cho con em tham gia các câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các hoạt động giáo dục truyền thống.

5. Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5

a) Điểm mạnh cơ bản của trường

- Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục thể hiện rõ việc thực hiện chương trình giảng dạy từng môn học theo đúng quy định, hướng dẫn của Bộ, Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Giáo viên thực hiện nghiêm túc đổi mới phương pháp dạy học tích cực, vận dụng các kỹ thuật dạy học hướng dẫn học sinh phát huy năng lực và đẩy mạnh kiểm tra, đánh giá.

b) Điểm yếu cơ bản cần cải tiến

Tăng cường việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường đi vào chiều sâu

☛ Phương hướng tới

Nhà trường tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo hướng phát triển năng lực học sinh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông, tổ chức dạy và học phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng thái độ, ý thức tự giác và tính tích cực học tập, rèn luyện của học sinh.

Tiếp tục thực hiện sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; thiết kế các chủ đề dạy học, dạy học tích hợp nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn, tăng cường phương pháp dạy học theo định hướng giáo dục STEM. Nhà trường động viên các tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề bồi dưỡng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh để tự bồi dưỡng cho các giáo viên trong tổ.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2024

A. Dự toán giao :

- Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	7,078,734,000 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	đồng
+ Giao đầu năm	:	6,299,734,000 đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	779,000,000 đồng
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và NQ 08 (nguồn 14)	:	4,702,565,000 đồng
- <i>Thực hiện tự chủ</i>	:	0 đồng
- <i>Không thực hiện tự chủ</i>	:	4,702,565,000 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	0 đồng
- <i>Thực hiện tự chủ</i>	:	0 đồng
- <i>Không thực hiện tự chủ</i>	:	0 đồng
+ Giao đầu năm	:	3,738,565,000 đồng
- <i>Thực hiện tự chủ</i>	:	0 đồng
- <i>Không thực hiện tự chủ</i>	:	3,738,565,000 đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	964,000,000 đồng
- <i>Thực hiện tự chủ</i>	:	0 đồng
- <i>Không thực hiện tự chủ</i>	:	964,000,000 đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không TX (nguồn 12)	:	2,053,769,615 đồng
+ Giao đầu năm	:	2,518,871,000 đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	-465,101,385 đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không TX (nguồn 18)	:	190,904,000 đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	190,904,000 đồng

B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN năm 2024

I. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	:	7,078,734,000 đồng
- Lương	6000	: 3,483,006,011 đồng
- Phụ cấp	6100	: 1,594,536,978 đồng
- Tiền thưởng	6200	: 32,700,000 đồng
- Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ	6300	: 969,137,863 đồng
- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	6400	: 86,248,800 đồng
- Dịch vụ công cộng	6500	: 45,162,366 đồng
- Vật tư văn phòng	6550	: 17,050,466 đồng
- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6600	: 8,484,122 đồng
- Công tác phí	6700	: 12,000,000 đồng
- Chi phí thuê mướn	6750	: 203,280,000 đồng
- Sửa chữa tài sản văn phòng	6900	: 27,380,000 đồng
- Chi hoạt động chuyên môn	7000	: 5,598,400 đồng
- Trích lập các quỹ	7950	: 594,148,994 đồng
II. Kinh phí thực hiện CC tiền lương, Nghị Quyết 08 (nguồn 14)	:	4,358,442,850 đồng
- <i>Thực hiện tự chủ :</i>	:	0 đồng
- <i>Không thực hiện tự chủ :</i>	:	4,358,442,850 đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND	6400	: 4,358,442,850 đồng
III. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12)	:	2,053,769,615 đồng
Phụ cấp làm thêm giờ	6105	: 208,420,205 đồng
Phụ cấp ưu đãi GV dạy trẻ khuyết tật hòa nhập	6112	: 218,849,410 đồng
Hỗ trợ CBVC làm công tác y tế học đường	6449	: 5,400,000 đồng
Cấp bù học phí	7766	: 1,488,000,000 đồng
Kinh phí mua sắm tài sản (bàn, ghế, bảng)	7000	: 46,400,000 đồng
Kinh phí mua sắm tài sản (máy vi tính)	6956	: 86,700,000 đồng
III. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 18)	:	190,904,000 đồng
Tiền thưởng 73 (nguồn 18)	6249	: 190,904,000 đồng

Đánh giá :

- Tổng chi NSNN năm 2024 là : 13,681,850,465 đồng, đạt 99% dự toán năm và 130% so với cùng kỳ năm trước .
- Kinh phí thực hiện tự chủ/TX (nguồn 13) năm 2024 là : 7,078,734,000 đồng, đạt 100% dự toán năm và 121% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :
+ Do tăng MLCS.
- Kinh phí thực hiện tự chủ/TX (nguồn 14) năm 2024 là : 4,358,442,850 đồng, đạt 93% dự toán năm và 143% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :
+ Do tăng MLCS.
- Kinh phí không thực hiện tự chủ / không TX (nguồn 12 và 18) năm 2024 là : 2,244,673,615 đồng, đạt 100% so với dự toán năm do số chi thực tế thấp hơn số dự toán cấp và dịch bệnh nên hồ sơ quyết toán sửa chữa hệ chữa hoàn thành nên chưa quyết toán được.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**1. Hoạt động dạy và học**

- Triển khai thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6, 7 và lớp 8; tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 9 bảo đảm thực hiện và hoàn thành chương trình năm học; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục; triển khai thực hiện chương trình giáo dục theo phương châm kế thừa các nguyên lý giáo dục nền tảng như “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn liền với thực tiễn”, “Giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục ở gia đình và xã hội”. Thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hóa hoạt động của người học, giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cá nhân;

- Chú trọng nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục tại đơn vị; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý, quản trị trường học; thực hiện kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường;

- Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trường học. Chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học; chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

Thầy và trò nhà trường từng bước tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học; thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Giáo dục. Mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học ở mọi nơi, mọi lúc góp phần xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số. Trong đó có ba áp dụng cơ bản là: Ứng dụng công nghệ trong phương thức giảng dạy, ứng dụng công nghệ trong quản lý và ứng dụng công nghệ trong lớp học.

2. Các danh hiệu, thành tích đã đạt được ghi nhận cho sự nỗ lực của nhà trường trong năm học 2024-2025

- a) Về thực hiện nhiệm vụ Giáo dục và đào tạo: Đạt **531,36/550** điểm

b) Thực hiện nhiệm vụ điều hành, quản lý ngân sách; sử dụng, quản lý tài sản công; thực hiện chế độ, chất lượng thông tin báo cáo; Công tác phối hợp, chấp hành chế độ hội họp: Đạt **95,75/100** điểm (xếp loại A)

c) Công tác y tế trường học: Đạt **99/100** điểm (xếp loại Tốt)

d) Công tác an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích: Được đánh giá Đạt với **49/50** nội dung đạt. (trường được công nhận “Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích” năm học 2024-2025 theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của CT UBND quận Tân Bình)

e) Về sáng kiến, công tác thi đua, khen thưởng, thành tích được công nhận (đang chờ đánh giá và Quyết định của cấp có thẩm quyền)

- Danh hiệu tập thể: “Tập thể lao động tiên tiến” năm học 2024-2025 theo Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của CT UBND quận Tân Bình về công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” năm học 2024-2025.

- Cá nhân: 39/39 đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” theo Quyết định số 38/QĐ-TVĐ ngày 05/6/2025 của Hiệu trưởng nhà trường. Trong đó có: 07 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” theo Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 26/06/2025 của Chủ tịch UBND quận Tân Bình, 03 cá nhân nhận “Bằng khen của Chủ tịch UBND Tp.HCM”

- 03 sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở (cấp quận) theo Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của CT UBND quận Tân Bình về việc công nhận các sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn quận Tân Bình năm học 2024-2025.

f) Trường được công nhận đạt “Đơn vị chuẩn văn hóa” giai đoạn 2019-2023 theo Quyết định số 1034/QĐ-LĐLĐ ngày 24/2/2025 của BTV LĐLĐ Tp.HCM

g) Trường được công nhận “Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích” năm học 2024-2025 Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của CT UBND quận Tân Bình.

h) Về công tác tác Đảng, Đoàn thể

- Chi bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” 2024; được khen tặng danh hiệu “Chi bộ làm tốt công tác phát triển đảng viên” năm 2024 theo Quyết định số 250-QĐ/ĐU ngày 19/5/2025 của Đảng ủy phường 6.

- Công đoàn: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”

- Chi đoàn: “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”

- Liên đội: “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”

Tân Hòa, ngày 19 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Dương Tấn Phước